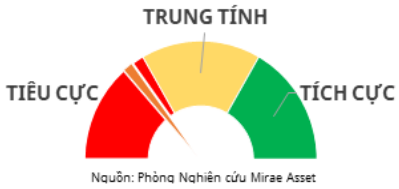
07 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,753.39	-0.3	-3.7	4.0
HNX	259.82	-2.2	-7.4	-4.8
UPCOM	125.19	0.0	-1.9	13.6
MSCI EM	1,742.92	0.2	-0.8	26.7
NIKKEI	70,035.71	-0.9	5.5	46.1
HANG SENG	24,129.31	-0.6	-5.1	-10.5
KOSPI	6,803.90	-2.0	-2.7	91.7
FTSE	10,502.66	-0.4	-3.0	10.7
S&P 500	7,818.93	0.6	1.3	16.4
NASDAQ	27,599.89	0.4	4.1	21.1

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.9	1.9	16.1
Indonesia	13.7	1.7	12.3
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.2	1.5	10.4
Thailand	15.0	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	-1	3	120
TPCP 10 năm	4.5	0	1	79

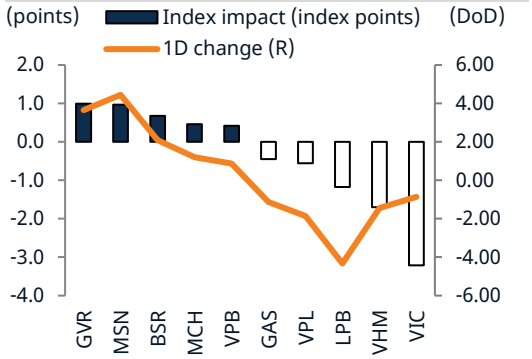
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,981	0.0	-0.2	-1.5
US$/KRW	1,338.2	-0.1	-0.5	-5.4
US$/JPY	158.00	-0.1	2.4	4.0
US$/EUR	0.8937	0.6	3.9	4.2
US$/GBP	0.7554	0.3	2.3	1.4
US$/SGD	1.2794	0.2	1.1	-1.1

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	586	505	609
HNX	32	25	34
UPCOM	26	14	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Xanh đỏ đan xen, dòng tiền phân hóa

VN-Index giao dịch giằng co và kết phiên trong sắc đỏ khi áp lực bán chiếm ưu thế, khiến chỉ số lùi dưới tham chiếu ngay từ đầu phiên và tiếp tục suy yếu trong buổi sáng. Lực cầu bắt đáy cải thiện trong phiên chiều giúp chỉ số thu hẹp đà giảm, tuy nhiên áp lực bán cuối phiên khiến VN-Index chưa thể lấy lại sắc xanh. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.753,39 điểm, giảm 5,69 điểm (-0,32%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh giảm 24,92% đạt khoảng 486 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 12.474 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 150 mã tăng, 151 mã giảm và 64 mã đứng giá.

Điểm tin nổi bật trong phiên, nhóm cảng biển và vận tải dầu khí đang hưởng ứng đà tăng tích cực khi hoạt động xuất khẩu được gia tăng và giá cước vận tải tăng cao.

Nhóm ngành chính nâng đỡ thị trường hôm nay gồm nguyên vật liệu (GVR, DCM, HT1), hàng hóa thiết yếu (PIT), vận tải (GMD, HAH, VSC). Ở chiều ngược lại, các ngành gây áp lực lên thị trường tập trung tại phần cứng, dịch vụ tiêu dùng (VPL, VNG, DAH) và hàng hóa công nghiệp (GEE, GEX, PC1).

Khối ngoại bán ròng với giá trị hơn 946 tỷ đồng toàn thị trường, riêng sàn HOSE ghi nhận mức bán ròng 922 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã như PNJ (-399 tỷ đồng), TCB (-111 tỷ đồng) và HDB (-88 tỷ đồng). Ngược lại, dòng vốn ngoại mua ròng vào các mã như MSN (44 tỷ đồng), BSR (36 tỷ đồng) và VIB (32 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm nhưng điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục duy trì ở mức -4 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.9x.

Nguyễn Viết Sang, Analyst, 84-8-39102222, sang.nv@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-1	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/10/2026)	1.753	Kháng cự 1	1.800
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.850
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.700
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.650

VN-Index giảm điểm, thanh khoản suy giảm dưới trung bình 20 phiên.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (07/10/2026)	1.894	Kháng cự 1	**1.950**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.015**
VN30 - đóng cửa	1.894	Hỗ trợ 1	**1.850**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+0,2**	Hỗ trợ 2	**1.800**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	4	**KHẢ QUAN**
VN30F1M	-4	**TIÊU CỰC**

VN30F1M kết phiên giảm điểm, đánh giá kỹ thuật -4 điểm (TIÊU CỰC).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DGW	Bán lẻ	47,200	2,118,625	**99**	6	
FRT	Bán lẻ	150,500	666,170	**73**	7	
MWG	Bán lẻ	76,900	2,905,760	**100**	5	
IDC	Bất động sản	35,600	1,466,670	**91**	5	
TNG	Dệt may	18,400	444,975	**97**	5	
GMD	Kho bãi, hậu cần	54,200	966,135	**89**	5	
MSB	Ngân hàng	14,650	9,573,450	**86**	7	
GVR	Nhựa, cao su & sợi	34,000	2,820,315	**83**	5	
MSN	Thực phẩm	75,200	5,413,580	**84**	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
MSR	65	2,379,685	7	KHẢ QUAN	71,489	6500.0	5.9	155
FRT	150.5	666,170	7	KHẢ QUAN	26,912	23.7	5.6	100
PVP	24.6	1,487,870	7	KHẢ QUAN	2,551	7.9	1.3	37
VGC	45.55	577,225	7	KHẢ QUAN	20,422	14.3	2.4	26
VPB	23.4	22,223,680	6	KHẢ QUAN	234,000	7.8	1.3	520
DGW	47.2	2,118,625	6	KHẢ QUAN	10,543	12.5	2.8	100
DHC	39.5	448,095	6	KHẢ QUAN	4,197	7.8	1.7	18
MSN	75.2	5,413,580	5	KHẢ QUAN	109,820	16.2	2.9	407
MWG	76.9	2,905,760	5	KHẢ QUAN	113,481	11.5	3.2	223
GVR	34	2,820,315	5	KHẢ QUAN	136,000	19.2	2.2	96
VIB	13.9	4,356,815	5	KHẢ QUAN	51,811	7.0	1.1	61
GMD	54.2	966,135	5	KHẢ QUAN	34,674	14.4	2.5	52
IDC	35.6	1,466,670	5	KHẢ QUAN	14,861	6.8	2.2	52
CTD	61.9	265,975	5	KHẢ QUAN	6,922	8.2	0.7	16
VOS	12.3	1,304,330	5	KHẢ QUAN	1,722	4.4	0.9	16
VHC	50.8	301,825	5	KHẢ QUAN	10,640	7.8	1.1	15
HDB	28.1	11,615,180	4	KHẢ QUAN	140,648	7.1	1.6	326
PVT	24.85	8,387,240	4	KHẢ QUAN	12,846	9.0	1.4	208
BVH	75.5	1,045,150	4	KHẢ QUAN	56,045	16.9	2.1	79
NVB	15.9	1,569,670	4	KHẢ QUAN	46,555	95.2	2.1	25
HSG	9.98	2,058,010	4	KHẢ QUAN	8,056	12.3	0.7	21
QNS	52.9	321,420	4	KHẢ QUAN	19,449	8.6	1.6	17
MCH	142.7	598,875	3	TRUNG TÍNH	186,567	26.4	9.9	85
NT2	22.55	662,725	3	TRUNG TÍNH	6,492	5.3	1.3	15
VIC	230	3,592,350	2	TRUNG TÍNH	1,785,303	82.2	10.2	826
VCI	19.1	8,996,000	2	TRUNG TÍNH	22,008	13.7	1.3	172
VND	13.6	10,283,800	2	TRUNG TÍNH	20,703	7.7	1.0	140
VSC	13.5	7,596,900	2	TRUNG TÍNH	5,054	14.7	0.9	103
CII	12	7,189,880	2	TRUNG TÍNH	8,064	82.4	0.8	86
HAG	14.5	2,141,260	2	TRUNG TÍNH	18,377	5.4	1.2	31

DIG	9.3	3,310,705	**2**	TRUNG TÍNH	7,851	10.1	0.8	31
ORS	13.35	1,998,445	**2**	TRUNG TÍNH	8,329	14.1	1.1	27
PHR	33.5	537,045	**2**	TRUNG TÍNH	8,171	8.7	1.8	18
VNM	58	2,465,065	**0**	TRUNG TÍNH	121,217	12.3	3.8	143
PVS	33.6	4,028,730	**0**	TRUNG TÍNH	20,620	9.8	1.3	135
PVD	18.3	5,699,300	**0**	TRUNG TÍNH	16,978	17.5	1.0	104
LPB	42	2,117,715	**0**	TRUNG TÍNH	125,466	11.1	2.9	89
DCL	46.9	1,774,610	**0**	TRUNG TÍNH	3,426	#N/A N/A	2.3	83
PET	50.8	881,760	**0**	TRUNG TÍNH	7,861	25.8	3.1	45
KBC	25.25	1,305,075	**0**	TRUNG TÍNH	23,779	20.7	1.0	33
SBT	22.8	1,212,755	**0**	TRUNG TÍNH	21,310	29.2	1.8	28
VCG	13.6	1,775,325	**0**	TRUNG TÍNH	9,495	2.5	0.8	24
DRI	16	1,491,820	**0**	TRUNG TÍNH	1,171	7.4	1.7	24
HHV	8.91	2,117,730	**0**	TRUNG TÍNH	4,875	7.7	0.4	19
EVF	11.45	1,457,470	**0**	TRUNG TÍNH	8,708	9.3	0.8	17
AAA	7.2	2,211,630	**0**	TRUNG TÍNH	2,835	5.2	0.5	16
NKG	9.31	1,668,905	**0**	TRUNG TÍNH	4,584	27.5	0.6	16
VHM	68	9,399,705	**-2**	TRUNG TÍNH	558,608	7.1	2.1	639
TCB	32.3	16,108,585	**-2**	TRUNG TÍNH	228,886	8.4	1.3	520
BSR	31.75	13,562,880	**-2**	TRUNG TÍNH	158,982	8.0	2.1	431
HPG	20.35	18,127,264	**-2**	TRUNG TÍNH	171,815	7.4	1.2	369
PLX	36.2	5,025,935	**-2**	TRUNG TÍNH	46,838	15.0	1.8	182
DCM	34.2	3,168,725	**-2**	TRUNG TÍNH	18,105	7.9	1.6	108
VPI	57.6	1,767,930	**-2**	TRUNG TÍNH	20,278	50.4	3.8	102
DPM	21.65	3,357,190	**-2**	TRUNG TÍNH	14,720	8.6	1.3	73
POW	12.6	5,752,440	**-2**	TRUNG TÍNH	38,655	6.4	0.9	72
EIB	16.4	4,070,350	**-2**	TRUNG TÍNH	30,549	62.1	1.2	67
HAH	52.5	1,131,270	**-2**	TRUNG TÍNH	9,888	7.5	1.9	59
KDH	13.55	4,102,105	**-2**	TRUNG TÍNH	16,727	10.2	0.9	56
PDR	11.15	3,776,860	**-2**	TRUNG TÍNH	11,126	18.0	0.9	42
NLG	21.7	1,726,515	**-2**	TRUNG TÍNH	10,529	17.6	0.8	37
BCM	38.5	532,065	**-2**	TRUNG TÍNH	39,848	21.0	1.8	20
SAB	42.85	438,825	**-2**	TRUNG TÍNH	54,958	11.9	2.8	19
HUT	12.4	1,466,690	**-2**	TRUNG TÍNH	13,247	22.2	1.2	18
DBC	15.2	1,165,830	**-2**	TRUNG TÍNH	6,552	5.7	0.8	18
HHP	17.6	997,600	**-2**	TRUNG TÍNH	1,622	33.7	1.6	18
HVN	20.2	750,075	**-2**	TRUNG TÍNH	62,852	13.8	6.6	15
CTR	70.3	205,935	**-2**	TRUNG TÍNH	9,006	13.8	4.0	14
FPT	59.7	5,757,555	**-3**	TRUNG TÍNH	112,578	11.2	2.8	344
GAS	78.4	1,472,225	**-3**	TRUNG TÍNH	189,175	14.9	2.8	115
HCM	23	2,974,205	**-3**	TRUNG TÍNH	31,049	21.4	1.9	68
SSI	19.65	21,667,910	**-4**	**TIÊU CỰC**	58,740	11.6	1.5	426
VCB	57.2	4,260,610	**-4**	**TIÊU CỰC**	477,945	11.5	1.9	244
CTG	29.75	7,469,815	**-4**	**TIÊU CỰC**	231,067	5.8	1.2	222
MBB	19.1	11,551,700	**-4**	**TIÊU CỰC**	192,313	6.2	1.2	221
ACB	20.65	7,692,755	**-4**	**TIÊU CỰC**	119,861	7.6	1.2	159
VC3	23.4	1,451,925	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,482	48.9	2.2	34
PC1	19.3	1,493,115	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,938	7.9	1.2	29

REE	46.15	459,440	**-4**	**TIÊU CỰC**	28,747	10.9	1.3	21
CTS	19.9	1,018,765	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,418	14.4	1.9	20
BVS	25.7	669,815	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,856	9.7	0.7	17
E1VFVN30	34.19	435,435	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,819	#N/A Field Not Applicable	#N/A Field Not Applicable	15
SHB	10.8	39,345,380	**-5**	**TIÊU CỰC**	57,712	4.1	0.7	425
VIX	11.7	29,617,576	**-5**	**TIÊU CỰC**	30,102	5.7	0.9	347
STB	66.8	3,146,020	**-5**	**TIÊU CỰC**	125,932	20.6	2.0	210
PNJ	18.9	10,765,455	**-5**	**TIÊU CỰC**	9,672	4.0	0.7	203
BID	34.5	3,803,840	**-5**	**TIÊU CỰC**	268,350	8.1	1.4	131
SHS	12.6	7,972,140	**-5**	**TIÊU CỰC**	11,333	11.2	0.9	100
VRE	23.25	3,988,535	**-5**	**TIÊU CỰC**	52,831	7.3	1.1	93
DXG	9.78	9,006,815	**-5**	**TIÊU CỰC**	12,402	61.7	0.9	88
CEO	10.2	5,267,735	**-5**	**TIÊU CỰC**	6,077	31.8	1.0	54
TCH	10.85	4,304,990	**-5**	**TIÊU CỰC**	10,886	36.4	0.9	47
MBS	15.1	2,825,170	**-5**	**TIÊU CỰC**	15,114	10.4	1.3	43
NVL	10.3	22,473,856	**-6**	**TIÊU CỰC**	32,988	5.6	0.5	231
TPB	11.8	9,465,760	**-6**	**TIÊU CỰC**	37,644	5.0	0.8	112
DPR	37.9	434,730	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,293	9.2	1.2	16
GEX	22.65	8,113,105	**-7**	**TIÊU CỰC**	29,637	21.6	1.5	184
VJC	128	1,046,875	**-7**	**TIÊU CỰC**	98,444	44.7	3.7	134
OIL	13	2,834,520	**-7**	**TIÊU CỰC**	13,445	37.9	1.3	37
DGC	33.15	693,325	**-7**	**TIÊU CỰC**	12,590	6.3	0.8	23

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

S&P 500 lần đầu vượt mốc 7,800 điểm, Dow Jones tăng hơn 250 điểm

Chỉ số S&P 500 lập đỉnh cao kỷ lục mới trong phiên ngày 06/10, được hỗ trợ bởi đà tăng của các cổ phiếu công nghệ lớn cùng sự sụt giảm của lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ. Kết phiên, chỉ số S&P 500 tăng 0.58%, lên mức đóng cửa kỷ lục 7,818.93 điểm. Trong khi đó, Dow Jones tăng 253.38 điểm, tương đương 0.49%, lên 51,521.28 điểm. Nasdaq Composite tăng 0.45%, đóng cửa ở mức kỷ lục 27,599.79 điểm. Chỉ số thiên về công nghệ này cũng lập đỉnh cao nhất mọi thời đại trong phiên. Đà tăng được củng cố bởi nhóm sản xuất chip. Marvell Technology tăng vọt 5.8%, trong khi Advanced Micro Devices (AMD) tăng gần 3%, khi nhà đầu tư lạc quan hơn về triển vọng của các công ty này. Broadcom cũng tăng 3.7%.

“Có cảm giác như mọi người đều đang nói rằng thị trường tăng điểm và AI là nơi đáng đầu tư”, Stephen Kolano, Giám đốc đầu tư tại Integrated Financial Partners, nói. Nhà đầu tư hiện đang “bỏ qua những lo ngại về lạm phát, đặc biệt là liên quan đến dầu, diesel và các mặt hàng tương tự. Họ nghĩ rằng đó là vấn đề có khả năng được giải quyết trong tương lai”. Giá dầu gần như không thay đổi khi kết thúc phiên. Dầu Brent tăng 0.26%, lên 100.58 USD/thùng, trong khi dầu WTI chỉ tăng 0.01%, lên 89.44 USD/thùng. Kolano cũng cho rằng lãi suất hiện “về cơ bản đang ở mức cần thiết”.

Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm 3 điểm cơ bản, xuống 5.281%, trong khi lợi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm gần như không đổi ở 5.655%. Cả hai loại lợi suất này đều tăng lên mức chưa từng thấy kể từ năm 2002 vào ngày 05/10. “Các nhà đầu tư đang tìm kiếm xem liệu có nguồn nào có thể tạo ra hiệu ứng lan truyền hay không, nhưng hiện tại mọi thứ vẫn được kiểm soát khá tốt và thị trường vẫn chủ yếu được dẫn dắt bởi động lực tăng trưởng, tăng trưởng lợi nhuận và dòng vốn đầu tư vào trí tuệ nhân tạo”, ông nói thêm. Các nhà giao dịch hiện hướng sự chú ý đến biên bản cuộc họp tháng 9 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), dự kiến được công bố vào thứ Tư.

Biên bản có thể cung cấp thêm manh mối về quyết định tăng lãi suất của các nhà hoạch định chính sách.

Nguồn: vietstock.vn

ACV: SGN sắp chi cổ tức tỷ lệ 25%, ACV “bỏ túi” 40 tỷ

HĐQT CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (HOSE : SGN) thông qua nghị quyết trả cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 25%. Ước tính Doanh nghiệp sẽ chi 84 tỷ đồng trong đợt thanh toán vào ngày 26/11/2026. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2025 bằng tiền là ngày 05/11. Với tỷ lệ chi trả 25% và 33.5 triệu cp đang lưu hành, tổng số tiền SGN dự kiến chi ra cho đợt cổ tức này là 84 tỷ đồng. Trong đó, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP (UPCoM: ACV) nắm giữ tỷ lệ lớn nhất 48.03%, ước tính sẽ thu về 40 tỷ đồng. Quỹ đầu tư nước ngoài America LLC với tỷ lệ sở hữu 24.96%, dự kiến nhận về 21 tỷ đồng. CTCP Hàng không Vietjet nắm giữ 9.11%, ước tính thu về 7.6 tỷ đồng.

SGN có truyền thống trả cổ tức tiền mặt đều, đặc biệt trong 5 năm gần đây khi duy trì tỷ lệ trả cổ tức ở mức 25% cho các năm từ 2021 về sau. Về bức tranh kinh doanh nửa đầu năm, SGN mang về 783 tỷ đồng doanh thu thuần và 131 tỷ đồng lợi nhuận ròng, tăng lần lượt 1% và 3% so với cùng kỳ. Năm 2026, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh thận trọng với doanh thu hợp nhất 1,534 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 171 tỷ đồng, giảm 18% so với mức thực hiện năm trước. Nhờ vậy, kết thúc nửa đầu năm, Công ty thực hiện 51% kế hoạch doanh thu và 77% mục tiêu lợi nhuận cả năm.

Doanh thu vẫn duy trì đà tăng trưởng dù đã chấm dứt cung cấp dịch vụ quốc nội cho Vietjet từ ngày 20/04/2025 và ngừng cung cấp dịch vụ phục vụ sân đỗ đối với các chuyến bay quốc tế của hãng tại Tân Sơn Nhất từ ngày 01/11/2025. Thêm vào đó, hoạt động khai thác cũng chịu tác động khi một số chuyến bay của Emirates và Qatar Airways bị gián đoạn do xung đột tại Trung Đông. Dù vậy, kết quả kinh doanh được bảo vệ thành công khi Công ty bổ sung 2 khách hàng mới là Sun Phú Quốc Airways và United Airlines. Đồng thời, sản lượng phục vụ tại Chi nhánh Đà Nẵng và công ty con SAGS-CXR tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng ổn định.

Nguồn: vietstock.vn

TCX: TCBS hoàn thành tăng vốn đợt 3, lên mức hơn 33,000 tỷ

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS, HOSE : TCX). Qua đó, vốn điều lệ được nâng lên hơn 33,293 tỷ đồng. Trước đó, TCBS dự kiến phát hành gần 555 triệu cp để trả cổ tức 2025 (tổng giá trị theo mệnh giá 5,550 tỷ đồng) với tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 cp được nhận 1 cp mới). Thời gian dự kiến hoàn thành trong quý 3 và 4/2026 đến khi TCBS hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguồn vốn phát hành lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của TCBS tại ngày 31/12/2026.

Vào đầu tháng 6, TCBS đã phân phối thành công hơn 462 triệu cp cho 19,125 cổ đông. Số cổ phiếu xử lý lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ là 3,392 cp và sẽ được hủy bỏ theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua. Vào tháng 7, TCX thành công phân phối 556,522 cp, tương ứng số cổ phiếu phát hành đã đăng ký, cho 28 người lao động. Qua đó, tổng số lưu hành nâng lên 2.78 tỷ cp, tương ứng 27,744 tỷ đồng vốn điều lệ. Theo báo cáo kết quả phát hành, TCBS đã phân phối thành công gần 555 triệu cp cho 24,107 cổ đông. Trong đó, số cổ phần xử lý lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ là 4,167 cp sẽ được hủy theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua. Sau hoàn tất đợt phát hành, tổng số lưu hành tăng từ gần 2.8 tỷ cp lên hơn 3.3 tỷ cp.

Tương ứng, vốn điều lệ tăng từ gần 27,745 tỷ đồng lên 33,293 tỷ đồng. Ở diễn biến khác, ngày 18/09, TCBS thông báo bổ nhiệm bà Trần Thị Thu Trang làm Tổng Giám đốc, sau gần 3 tháng giữ vai trò Quyền Tổng Giám đốc. * TCBS hoàn tất chuyển giao ghế Tổng Giám đốc Về kết quả kinh doanh, 6 tháng đầu năm 2026, TCBS ghi nhận lợi nhuận sau thuế 2,840 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ, do doanh thu hoạt động tài chính tăng 39% - chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu ứng trước tiền bán, hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán và lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Đáng chú ý, chi phí hoạt động gấp hơn 2.6 lần cùng kỳ.

Thêm vào đó, chi phí tài chính và chi phí quản lý lần lượt tăng 71% và 5%. Trên sàn HOSE , giá cổ phiếu TCX đang giao dịch quanh vùng 28,150 đồng/cp (phiên sáng 07/10), giảm 13% so với đầu năm, với thanh khoản trung bình hơn 2 triệu cp/ngày.

Nguồn: vietstock.vn

EVF: EVF dự kiến huy động 300 triệu USD trái phiếu quốc tế

Theo phương án được Hội đồng quản trị EVF phê duyệt ngày 2/10, doanh nghiệp dự kiến thực hiện một đợt phát hành trái phiếu bằng USD tại thị trường quốc tế, tổng mệnh giá tối đa 300 triệu USD, kỳ hạn từ 3 năm trở lên. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải nợ thứ cấp. Thời điểm chào bán và phát hành dự kiến trong quý IV/2026, sau khi EVF hoàn tất các thủ tục và nhận

được các chấp thuận cần thiết từ cơ quan có thẩm quyền, trong đó có Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quy mô phát hành thực tế, kỳ hạn cụ thể, giá phát hành, lãi suất và các điều kiện giao dịch sẽ được EVF xác định tại thời điểm chào bán trên cơ sở điều kiện thị trường và các tài liệu giao dịch chính thức. Theo phương án được phê duyệt, nguồn tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến được sử dụng cho hoạt động cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp của EVF. Nguồn vốn có thể được phân bổ cho hoạt động cấp tín dụng trong các lĩnh vực như sản xuất, chế biến - chế tạo, xây dựng, thương mại, vận tải, năng lượng, công nghệ, giáo dục, y tế và các lĩnh vực khác phù hợp với quy định pháp luật và nhu cầu tín dụng thực tế.

Trước kế hoạch phát hành trái phiếu quốc tế, EVF đã triển khai các hoạt động mở rộng quan hệ với định chế tài chính và nhà đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp cũng đang thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng mệnh giá tối đa 850 tỷ đồng sau khi được ĐHCĐ bất thường thông qua. Về hoạt động kinh doanh, 6 tháng đầu năm 2026, EVF ghi nhận 699,3 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 16,9% so với cùng kỳ và hoàn thành 52,8% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 556,2 tỷ đồng, tăng khoảng 15,3%. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 1.102,8 tỷ đồng, tăng gần 36% so với cùng kỳ; lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 61,7 tỷ đồng, tăng 11,2%. Tổng thu nhập hoạt động của EVF đạt khoảng 1.190 tỷ đồng.

Tại ngày 30/6/2026, tổng tài sản của EVF đạt 91.756 tỷ đồng, tăng 10,5% so với đầu năm; dư nợ cho vay khách hàng đạt 67.201 tỷ đồng, tăng 8,8%. Vốn chủ sở hữu đạt 10.415 tỷ đồng, trong khi vốn điều lệ ở mức 7.606 tỷ đồng.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

ABB: Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm ABBank từ B2 lên B1, duy trì triển vọng tích cực

Sau khi triển vọng được nâng từ Ổn định lên Tích cực vào kỳ tháng 3/2026, kết quả mới tiếp tục ghi nhận sự cải thiện về chất lượng tài sản, khả năng sinh lời, cùng năng lực vốn và khả năng chống chịu rủi ro của ABBank. Theo kết quả công bố, bên cạnh việc nâng Xếp hạng tiền gửi dài hạn bằng nội tệ và ngoại tệ và Xếp hạng nhà phát hành của ABBank từ B2 lên B1, Moody's cũng nâng Đánh giá tín dụng cơ sở (Baseline Credit Assessment – BCA) từ B3 lên B2; nâng Xếp hạng rủi ro đối tác (Counterparty Risk Ratings – CRR) dài hạn từ B1 lên Ba3. Triển vọng xếp hạng của ABBank tiếp tục được duy trì ở mức Tích cực.

Theo Moody's, triển vọng này phản ánh kỳ vọng kế hoạch tăng vốn quy mô lớn của ABBank trong nửa đầu năm 2027 sẽ tiếp tục cải thiện năng lực vốn và hồ sơ tín dụng của Ngân hàng. Chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động được cải thiện Theo Moody's, việc nâng xếp hạng dài hạn và BCA của ABBank phản ánh sự cải thiện về chất lượng tài sản và khả năng sinh lời, trong khi đợt tăng vốn hoàn tất vào giữa năm 2026 đã củng cố bộ đệm vốn của ngân hàng. Tỷ lệ các khoản vay có vấn đề của ABBank, bao gồm nợ xấu (NPL) và trái phiếu VAMC, giảm xuống 1,2% vào tháng 6/2026, sau khi ngân hàng xử lý toàn bộ trái phiếu VAMC.

Moody's cũng đánh giá rủi ro phát sinh nợ xấu mới ở mức thấp, với các khoản vay cần chú ý chiếm 0,7% tổng dư nợ tại tháng 6/2026. Năng lực vốn của ABBank cũng ghi nhận sự cải thiện sau khi hoàn tất tăng vốn lên hơn 16.000 tỷ đồng. Theo Moody's, tỷ lệ vốn chủ sở hữu hữu hình trên tài sản có trọng số rủi ro (TCE ratio) của ABBank tăng lên 10,5% tại tháng 6/2026. Moody's kỳ vọng năng lực vốn của ngân hàng tiếp tục được cải thiện trong 12–18 tháng tới nhờ kế hoạch bổ sung vốn và khả năng tạo vốn nội bộ. Cùng với đó, Moody's đánh giá khả năng sinh lời của ABBank đã được cải thiện rõ rệt. Tỷ suất sinh

lời trên tài sản hữu hình (Return on Tangible Assets - ROTA) đạt 1,9% trong nửa đầu năm 2026.

Moody's dự báo khả năng sinh lời của ABBank có thể điều chỉnh nhẹ trong 12-18 tháng tới tuy nhiên được kỳ vọng vẫn duy trì ở mức cao hơn đáng kể so với giai đoạn trước. Ở khía cạnh quản trị, Moody's cũng ghi nhận sự cải thiện trong hồ sơ quản trị của ABBank, với Điểm hồ sơ quản trị của tổ chức phát hành (Governance Issuer Profile Score) được điều chỉnh từ 4 xuống 3. Theo Moody's, sự cải thiện này phản ánh bộ đệm hấp thụ tổn thất của ngân hàng được củng cố sau các đợt tăng vốn gần đây, đồng thời giảm mức độ tập trung trong danh mục cho vay doanh nghiệp.

C ủng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển mới Việc được Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm diễn ra trong bối cảnh ABBank đang đẩy mạnh quá trình chuyển đổi và củng cố năng lực tài chính cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Cụ thể, ABBank vừa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận kế hoạch tăng thêm tối đa 10.765 tỷ đồng vốn điều lệ, dự kiến nâng mức vốn từ 16.068 tỷ đồng lên 26.833 tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 67%. Việc gia tăng năng lực vốn sẽ tạo thêm dư địa để ABBank đáp ứng các yêu cầu an toàn vốn, thúc đẩy tín dụng và thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn.

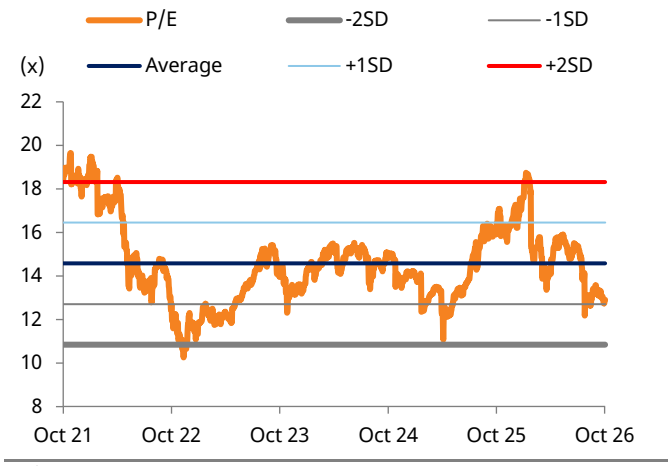
Đại diện ABBank chia sẻ: " Việc Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm là sự ghi nhận tích cực đối với những chuyển biến của ABBank, đồng thời đặt ra yêu cầu để Ngân hàng tiếp tục nâng cao năng lực trong giai đoạn phát tri ển mới. Cùng với việc củng cố nền tảng tài chính và quản trị, ABBank sẽ tiếp tục tập trung phát triển ngân hàng bán lẻ, cải thiện sản phẩm, dịch vụ và từng điểm chạm – để những thay đổi của Ngân hàng được khách hàng cảm nhận bằng chính trải nghiệm của mình ." Theo định hướng này, ABBank tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, khai thác dữ liệu, phát triển sản phẩm – dịch vụ và cải tiến quy trình, hướng tới mục tiêu mảng bán lẻ đóng góp khoảng 70% tổng thu nhập trong những năm tới.

Trong năm 2026, Ngân hàng cũng triển khai số hóa giao dịch tại quầy trên toàn hệ thống, nhằm rút ngắn thời gian chờ, giảm thao tác và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Nguồn: cafef.vn

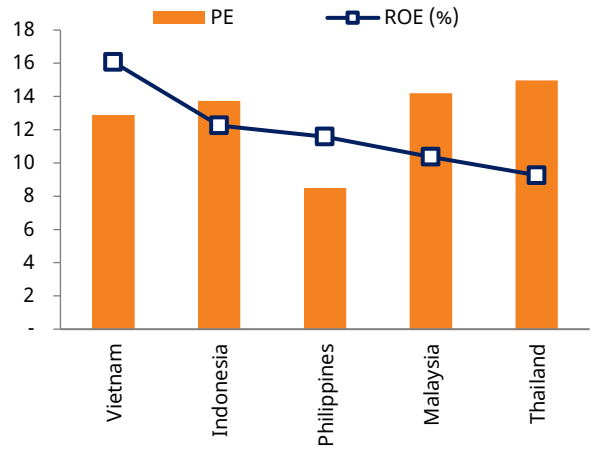
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



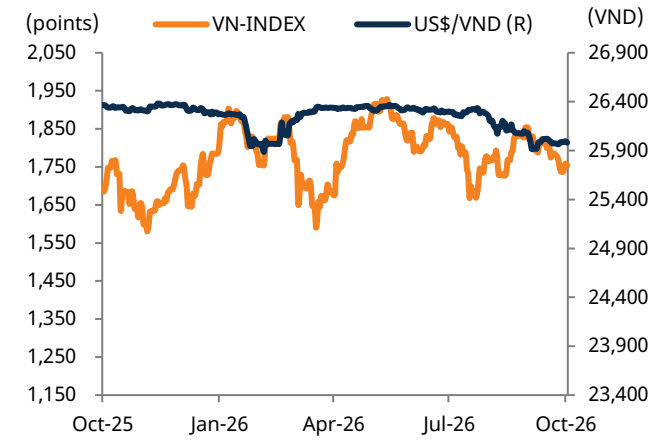
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



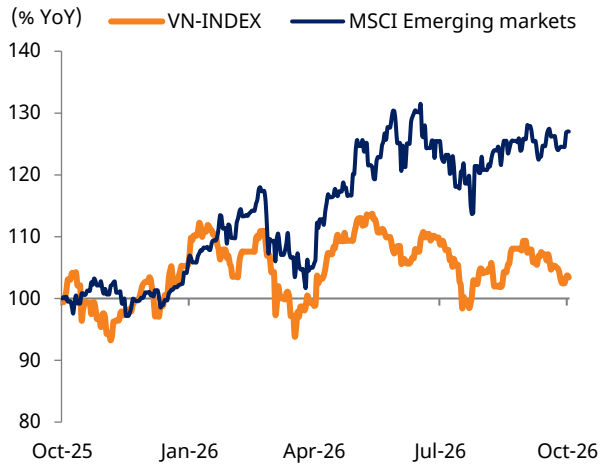
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



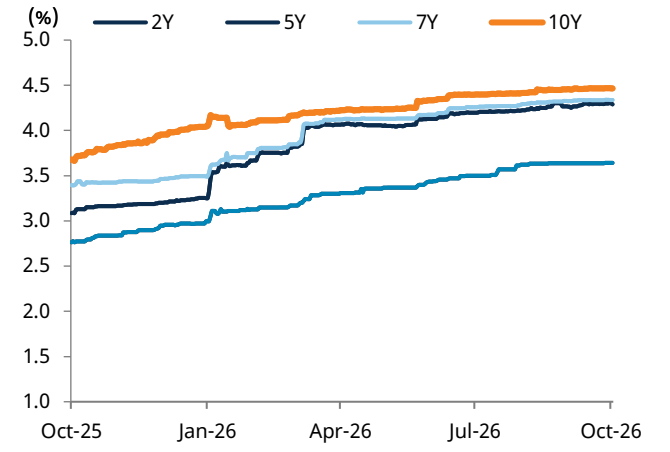
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



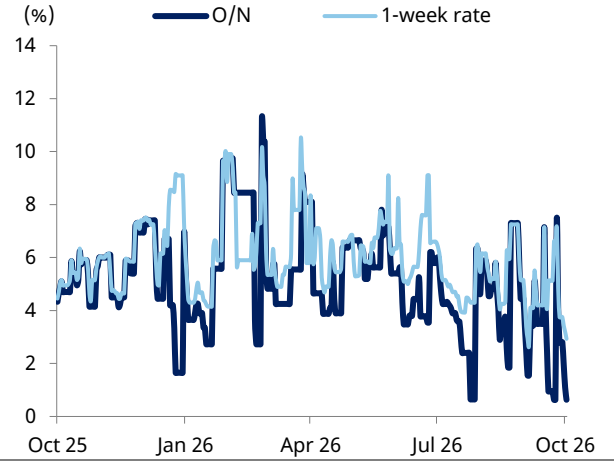
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,485,507**	**1,753.39**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.3**	**-0.9**	**-3.7**	**4.0**	**12.9**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,483,459**	**1,894.20**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-0.2**	**-0.7**	**-3.5**	**-0.8**	**11.2**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	119,861	20,650	24,071	19,204	0.2	-2.1	-7.2	-11.8	7.6	1.2	16.7	23.4	6/15/2026	619	3.0	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	268,350	34,500	52,975	32,150	-0.3	-4.0	-4.2	-9.0	8.1	1.4	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.2	1.3
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	158,982	31,750	39,600	13,500	2.1	1.1	20.7	94.2	8.0	2.1	30.4	1.6	8/11/2026	300	0.9	0.6
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	231,067	29,750	43,500	28,400	-0.2	-0.8	-3.4	-16.6	5.8	1.2	22.2	24.4	7/23/2026	0	2.6	1.6
FPT Corp	FPT VN	112,578	59,700	98,818	55,909	-1.2	-5.2	-9.3	-31.2	11.2	2.8	27.3	28.4	5/28/2026	1,818	3.0	3.0
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	189,175	78,400	131,500	56,000	-1.1	-4.4	-5.3	28.7	14.9	2.8	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.2	3.2
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	136,000	34,000	46,500	24,500	3.7	2.1	7.3	24.3	19.2	2.2	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.2	1.2
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	140,648	28,100	30,000	22,400	0.2	2.2	2.7	16.4	7.1	1.6	25.8	21.9	7/12/2024	0	N/A	1.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	171,815	20,350	27,045	19,600	-0.7	1.0	-5.6	-22.8	7.4	1.2	17.4	21.6	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	125,466	42,000	58,500	39,500	-4.3	-4.5	-15.4	-20.2	11.1	2.9	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	7.1	7.1
Military Commercial JCB	MBB VN	192,313	19,100	24,426	17,678	-0.5	-2.8	-5.4	-14.1	6.2	1.2	22.1	22.2	7/9/2026	828	4.3	4.2
Masan Consumer Corp	MCH VN	186,567	142,700	183,343	125,000	1.2	2.7	0.6	N/A	26.4	9.9	39.4	16.0	8/10/2026	4,074	2.8	3.5
Masan Group Corp	MSN VN	109,820	75,200	94,000	61,700	4.4	9.0	9.6	-8.8	16.2	2.9	19.5	24.3	7/4/2022	0	N/A	1.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	113,481	76,900	94,400	62,500	2.5	6.2	6.8	-1.4	11.5	3.2	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.6	3.0
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	54,958	42,850	57,100	42,050	0.7	-0.1	-4.5	-6.8	11.9	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.7	11.0
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	57,712	10,800	18,185	10,650	-1.4	-5.7	-9.2	-36.5	4.1	0.7	17.5	4.0	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	58,975	17,200	24,800	13,234	2.4	-5.8	-3.6	8.0	20.4	1.4	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	58,740	19,650	32,867	18,083	-0.5	-2.2	-5.8	-36.5	11.6	1.5	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.2	4.5
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	125,932	66,800	79,000	45,950	-1.3	-9.7	-12.8	14.2	20.6	2.0	5.0	10.6	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	228,886	32,300	42,000	27,800	-0.5	-0.8	1.3	-17.2	8.4	1.3	16.1	20.6	5/19/2026	700	2.2	2.7
Techcom Securities JSC	TCX VN	93,055	27,950	45,000	27,000	-2.3	-4.1	-15.5	N/A	14.9	2.0	16.1	8.5	4/7/2026	0	1.2	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	477,945	57,200	78,800	52,600	-0.2	-1.4	-1.4	-10.2	11.5	1.9	18.0	19.9	7/23/2026	450	0.8	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	558,608	68,000	86,650	43,450	-1.4	-0.7	-8.7	31.9	7.1	2.1	33.1	6.4	6/29/2026	3,000	4.4	2.3
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,811	13,900	18,904	12,831	3.0	4.1	2.2	-24.7	7.0	1.1	16.2	3.6	4/29/2026	822	5.9	5.6
Vingroup JSC	VIC VN	1,785,303	230,000	265,000	87,600	-0.9	0.9	-6.1	155.6	82.2	10.2	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	98,444	128,000	169,231	100,000	-0.6	-3.0	2.4	24.7	44.7	3.7	8.7	6.1	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	121,217	58,000	75,500	54,600	-0.7	-2.4	-4.4	-5.5	12.3	3.8	31.1	49.8	6/26/2026	4,350	8.1	7.8
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	234,000	23,400	27,491	18,962	0.9	0.0	8.0	-5.0	7.8	1.3	18.3	22.3	5/15/2026	397	1.7	1.8
Vinpearl JSC	VPL VN	142,388	79,400	111,000	67,000	-1.9	0.3	-2.1	-8.3	47.6	3.3	7.5	6.6	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	52,831	23,250	45,200	20,900	-2.3	-4.5	-13.9	-33.6	7.3	1.1	15.5	11.3	6/30/2026	1,000	4.3	1.4

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.